TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2025/DS-ST
Ngày: 12-8-2025
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - CẦN THƠ

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:** Bà **Nguyễn Thuý Quyên**

***Các Hội thẩm nhân dân*:** Ông Thái Văn Bê

Ông Đỗ Trọng Tuấn

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Ngọc Gia Hân - Thư ký Tòa án nhân khu vực 2 - Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ tham gia phiên toà: Bà **Lê Thị Nga** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 32/2025/TLST-DS ngày 06/01/2025 của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy về việc "*Tranh chấp đòi lại tài sản"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 266/2025/QĐXXST-DS ngày 28/4/2025, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Hoàng Xuân L**, sinh năm 1984; địa chỉ thường trú: Số B, đường M, phường A, quận N (nay là phường C), thành phố Cần Thơ; địa chỉ hiện tại: Số A, đường B, Khu dân cư T, phường A, quận N (nay là phường T), thành phố Cần Thơ.

Người đại diện ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Kim Y.

Bị đơn: Bà **Lê Thị T**, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Số G đường L, phường T, quận B (nay là phường T), thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Lê Thùy N**; địa chỉ: Khu V, quận Ô (nay là phường Ô), thành phố Cần Thơ; địa chỉ liên lạc: Số A khu V, phường P, quận Ô (nay là phường P), thành phố Cần Thơ.

2. Bà **Nguyễn Thị Thu V**, sinh năm 1976; hộ khẩu thường trú: Khóm T, thị trấn P, huyện P (nay là xã P), tỉnh An Giang; địa chỉ liên lạc: Số A, đường B, chung cư H, phường H, quận C (nay là phường H), thành phố Cần Thơ.

Tất cả các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hoàng Xuân L trình bày: Bà có nhu cầu nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để kinh doanh kiếm lời thì bà Nguyễn Thị Thu V và bà Lê Thị T giới thiệu cho bà mua thửa đất số 189 của chủ sử dụng là bà Lê Thùy N. Sau khi biết được thông tin thửa đất và thống nhất giá chuyển nhượng thì bà N, bà T hẹn bà sáng ngày 13/11/2023, đến Văn phòng C để ký chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà N. Bà đã đến đúng địa điểm và thời gian hẹn nhưng bà V, bà T thông báo vợ chồng bà N bận việc không đến được và hẹn bà chiều cùng ngày đến Văn phòng Công chứng Đỗ Thị H để ký hợp đồng.

Chiều ngày 13/11/2023, tại Văn phòng công chứng Đỗ Thị H, bà T cho rằng để mua thửa đất thì bà L phải chuyển trước 100.000.000 đồng tiền đặt cọc vào tài khoản Ngân hàng của bà T thì bà N sẽ ký hợp đồng. Bà đồng ý và chuyển tiền vào tài khoản của bà T. Ngay lúc đó, bà V, bà T đưa cho bà giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 661773, số vào sổ cấp GCN: CH21937, thửa đất 189, tờ bản đồ số 45, do Ủy ban nhân dân quận N cấp ngày 04/9/2019, chỉnh lý sang tên Lê Thùy N ngày 29/4/2021. Tuy nhiên, chờ đến cuối giờ cùng ngày bà vẫn không thấy vợ chồng bà N đến ký hợp đồng nên có liên lạc với bà T, bà V nhưng không được.

Nhận thấy, bà T đã cố tình chiếm đoạt số tiền của bà nên bà đã tố cáo hành vi của bà T. Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thuỷ có văn bản hướng dẫn bà L tố cáo đến Công an quận N, thành phố Cần Thơ để được giải quyết theo thẩm quyền. Sau đó, bà có gửi đơn đến Công an quận N nhưng đến nay vẫn chưa được giải quyết. Do đó, bà nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Yêu cầu bà Lê Thị T trả cho bà số tiền 100.000.000 đồng mà bà đã chuyển khoản vào tài khoản của bà T vào ngày 13/11/2023.

Bị đơn bà Lê Thị T trình bày tại Biên bản làm việc ngày 20/5/2025 như sau: Trước đó, bà với bà L không quen biết nhau mà chỉ biết thông qua bà Nguyễn Thị Thu V. Cụ thể: Vào ngày 13/11/2023 bà V nhờ bà cho mượn số tài khoản để bà L chuyển tiền đặt cọc mua đất với bà V, lý do tài khoản của bà V bị lỗi không thực hiện chuyển tiền được nên bà đã đồng ý. Sau khi nhận được 100.000.000 đồng, bà đã chuyển lại cho bà V 20.000.000 đồng; theo yêu cầu của bà V bà đã chuyển cho ông Trần Bảo L1 35.000.000 đồng, còn lại 45.000.000 đồng bà V đồng ý trả một phần nợ cho bà nên bà đã sử dụng hết. Số tiền 100.000.000 đồng này bà V có trách

nhiệm thanh toán cho bà L, vì bà không liên quan gì đến việc đặt cọc mua đất giữa bà V với bà L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Thu V trình bày tại Biên bản làm việc ngày 15/4/2025 như sau: Bà T có nhu cầu vay tiền nên bà giới thiệu bà L cho bà T biết nhau và thoả thuận. Bà L đồng ý cho bà T vay số tiền 100.000.000 đồng, với lãi suất 4%/tháng. Sau đó, bà L đã chuyển vào tài khoản của bà T số tiền 100.000.000 đồng nên bà không liên quan đến số tiền này.

Bà Lê Thùy N trình bày tại Biên bản ghi lời khai ngày 04/4/2025 như sau: Bà không biết bà L, bà V và cũng không thỏa thuận bán thửa đất 189 với ai. Thực chất bà chỉ đứng tên giùm thửa đất 189 cho một người dì của bà ở nước ngoài nên sau khi được cấp giấy đất thì bà đã đưa bản chính giấy đất này cho dì ruột tên Võ Bạch T1 (em của người dì ở nước ngoài) giữ. Bà không biết vì sao bà L lại giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 189 nêu trên. Trước đó, bà có tố cáo bà L đến Công an phường A, quận N, thành phố Cần Thơ nhưng chưa giải quyết xong thì bà đã được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới nên không có yêu cầu gì trong vụ án.

Tại phiên tòa, các bên đương sự đều vắng mặt. Nguyên đơn không có văn bản rút lại yêu cầu khởi kiện. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có văn bản nêu ý kiến gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến nay là đúng theo quy định. Tòa án xét xử đúng quan hệ tranh chấp, thời hạn chuẩn bị xét xử chưa thực hiện đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử, nguyên tắc xét xử và các đương sự thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Thủ tục tố tụng*: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện và trình bày của nguyên đơn bà Hoàng Xuân L cho rằng: Bà Lê Thị T, bà Nguyễn Thị Thu V có dấu hiệu phối hợp để lừa đảo chiếm đoạt tiền 100.000.000 đồng. Toà án tiến hành triệu tập bà T, bà V đến Toà án làm việc, ghi nhận ý kiến. Xét thấy trình bày của các đương sự có sự mâu thuẫn nên Toà án ban hành quyết định triệu tập bà L, bà T, bà V đến

Toà án đối chất vào ngày 04/6/2025 nhưng bà T, bà V không đến. Ngày 04/6/2025 Toà án nhân dân quận Bình Thuỷ đã gửi Công văn số 406/TA-DS cùng các tài liệu có liên quan đến Văn phòng Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố C để xử lý tin báo và điều tra hành vi của bà Nguyễn Thị Thu V, bà Lê Thị T có dấu hiệu phạm tội lừa đảo chiếm đoạt số tiền 100.000.000 đồng của bà Hoàng Xuân L theo quy định tại Điều 178 Bộ luật hình sự hay không để xử lý theo quy định của pháp luật. Ngày 14/7/2025 Toà án nhận được Công văn số 67/VPCQCSĐT ngày 10/7/2025 của Văn phòng Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố C cho rằng, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. Do đó, Toà án nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ tiếp tục giải quyết vụ án này.

Xét, yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Xuân L buộc bà Lê Thị T trả 100.000.000 đồng mà bà L đã chuyển vào tài khoản của bà T là yêu cầu đòi lại tài sản; Bà T có địa chỉ tại số G đường L, phường T, quận B (nay là phường T), thành phố Cần Thơ vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai bị đơn vẫn không tham gia phiên tòa. Bà Hoàng Xuân L, bà Nguyễn Thị Kim Y, bà Nguyễn Thị Thu V, bà Lê Thùy N có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nêu trên theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Nội dung*: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để Hội đồng chấp nhận, bởi lẽ: Căn cứ vào sao kê tài khoản do Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh C1 cung cấp ngày 24/7/2024, có ghi nhận: Ngày 13/11/2023, tài khoản số 0939140898 của bà Lê Thị T đã phát sinh có 100.000.000 đồng từ tài khoản của bà Hoàng Xuân L chuyển đến với nội dung *"dua tien dac coc"*. Tại Biên bản làm việc ngày 20/5/2025 bà T thừa nhận vào ngày 13/11/2023 tài khoản của bà có nhận 100.000.000 đồng từ tài khoản của bà L nên đây là sự việc không cần phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc bà T cho rằng bà không có trách nhiệm trả cho bà L 100.000.000 đồng này vì bà chỉ nhận giùm bà Nguyễn Thị Thu V là không có căn chứ chấp nhận. Bởi, bà T không cung cấp được chứng cứ chứng minh có thoả thuận cho bà V mượn số tài khoản để bà L chuyển tiền cho bà V, trong khi bà V không thừa nhận vấn đề này. Mặt khác, sau khi nhận 100.000.000 đồng thì bà T đã chuyển cho bà V số tiền 20.000.000 đồng, chuyển cho ông Trần Bảo L1 35.000.000 đồng, còn lại 45.000.000 đồng bà T đã thụ hưởng. Do vậy, bà T phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền 100.000.000 đồng cho bà L theo quy định Điều 166, Điều 579, Điều 580 Bộ luật Dân sự.

Đối với việc chuyển tiền của bà T với bà V, ông L1 là giao dịch khác không liên quan đến vụ án này. Nếu có phát sinh tranh chấp thì các bên được quyền khởi kiện trong vụ án khác.

[3] *Án phí dân sự sơ thẩm*:

Nguyên đơn được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 468, 579, 580 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn bà Lê Thị T trả cho bà Hoàng Xuân L số tiền 100.000.000 đồng.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người có nghĩa vụ thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi chậm trả đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn được nhận lại 2.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002643 ngày 23/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thuỷ, thành phố Cần Thơ (*nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Cần Thơ*).

Bị đơn phải chịu 5.000.000 đồng án phí, nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Cần Thơ.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

***Nơi nhận*:**
- TAND TPCT;
- VKSND KV2 - CT;
- Phòng THADS KV2 - CT;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thúy Quyên